

Số: ~~437~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp  
thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 -2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 128/TT-SNN ngày 29/5/2018; văn bản số 3679/SNN-KHTC ngày 30/11/2018 về việc báo cáo hoàn thiện Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020 (Kế hoạch chi tiết kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: Các PCVP, TKBT, KT, ĐT;
- Lưu: VT, KT (Tùy 2b)-1283.

(130)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Sửu

## **KẾ HOẠCH**

**Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội, giai đoạn 2019-2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~437~~ **437**/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 01 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững, thông minh, an toàn thực phẩm, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, phát huy lợi thế về thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập, đời sống dân cư nông thôn.

#### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 2019-2020 bình quân đạt 2,5-3,0% (theo phương pháp tính mới), có trên 90% số xã và trên 10 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân dân cư nông thôn đạt trên 49 triệu/người/năm, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt 70-75%, tỷ lệ che phủ rừng 6,2%, trên 70% số gia súc, gia cầm giết mổ được kiểm soát, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm còn dưới 1,5%.

### **II. NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

#### **1. Trồng trọt**

- Tập trung xây dựng, phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, an toàn thực phẩm, gắn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển các sản phẩm chủ lực của Thủ đô.

- Phân đầu tốc độ gia tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt khoảng 1,5-1,7%/năm, thu nhập trên 01ha tăng khoảng 3%/năm, sử dụng giống cây trồng đảm bảo chất lượng (giống nguyên chủng và xác nhận đạt trên 90%), có 50% diện tích cây trồng trở lên được ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao (Lúa hàng hóa chất lượng cao, hoa, rau, củ, quả an toàn); chuyển đổi 1.850 ha đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, kết hợp phát triển các mô hình dự lịch dịch vụ, sinh thái.

#### **1.1. Định hướng cơ cấu lại một số cây trồng chính**

- *Cây lương thực*: Phát triển các vùng sản xuất lúa tập trung, chất lượng cao; phân đầu đến 2020, có 55.000-60.000 ha sử dụng bằng hạt giống cấp nguyên

chúng, định hướng phát triển tại các huyện: Ứng Hoà, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Thanh Oai, Đông Anh.

- *Cây ngô*: Ổn định diện tích ngô hiện có, tập trung tại các vùng đồi, gò, vùng đất bãi ven sông, các vùng trồng lúa khó khăn về nước, kém hiệu quả, định hướng tại các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Mê Linh... ,100% diện tích được sử dụng bằng giống lai đơn, có năng suất, chất lượng cao, áp dụng kỹ thuật thâm canh tiên tiến.

- *Cây rau*: Phân đầu đến năm 2020, diện tích rau được sản xuất theo quy trình an toàn 34.000-35.000 ha, trong đó diện tích được cấp giấy chứng nhận rau an toàn phân đầu đạt từ 5.000-7000 ha, nhân rộng mô hình sản xuất rau hữu cơ, diện tích trên 100 ha, tại các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Thạch Thất, khuyến khích phát triển diện tích rau chuyên canh ứng dụng công nghệ cao (trên 300 ha), sản phẩm có thương hiệu.

- *Hoa, cây cảnh*: Diện tích gieo trồng sản xuất hoa, cây cảnh đạt từ 6.500 – 7.000 ha, trong đó 3.000 ha sản xuất chuyên canh (tại các huyện: Mê Linh, Đan Phượng, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Đông Anh, Chương Mỹ và quận Bắc Từ Liêm). Sản xuất chủ yếu hoa cắt cành, cây cảnh phổ thông và cao cấp. Phân đầu đến năm 2020, diện tích hoa ứng dụng công nghệ cao đạt 300 ha, tỷ trọng giá trị sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao đạt 25 - 30% tổng giá trị.

- *Cây ăn quả*: Từ 17.000-17.500 ha, trong đó 9.000 ha tập trung (bưởi, cam 4.800ha, nhãn 2.000 ha, chuối 2.200 ha), tại các vùng đồi gò, vùng đất bãi và một số vùng chuyển đổi, đến năm 2020 Thành phố có 1.384,5 ha diện tích cây ăn quả sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

- *Cây chè*: Ổn định 3.300-3.500 ha chè, tập trung thay thế các giống chè cũ, bằng các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao, tại các vùng đồi gò huyện Sóc Sơn, Ba Vì, trong đó, đến năm 2020, có 556 ha chè được ứng dụng công nghệ cao.

- *Phát triển các vùng chuyên canh trồng cây dược liệu* (Sóc Sơn, Ba Vì, Chương Mỹ ...), hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

## **2. Chăn nuôi**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi, phù hợp nhu cầu thị trường; khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư, phát triển chăn nuôi hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; tập trung cải tạo con giống theo hướng tăng năng suất, chất lượng. Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn xây dựng thương hiệu sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư lò giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giám sát, kiểm dịch bệnh, quản lý chặt chẽ sản xuất, kinh doanh, buôn bán vật tư, thuốc thú y, nghiêm cấm sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi.



- Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất con giống, phát triển ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị; xây dựng các cơ sở giống chất lượng cao, vùng sản xuất chăn nuôi an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

Đến năm 2020, giá trị sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao chiếm 50% giá trị sản xuất chăn nuôi toàn Thành phố. Tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi từ 4,5-5,0%/năm; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất chăn nuôi tối thiểu 4%/năm. Tỷ lệ sử dụng giống xác nhận đối với bò thịt, tỷ lệ bò lai đạt trên 80 %; đối với lợn và gia cầm, tỷ lệ giống tiến bộ kỹ thuật đạt khoảng 90%; tỷ lệ lợn chăn nuôi theo quy trình VietGAP 5%, gà 5%.

## **2.1. Định hướng cơ cấu lại các loài vật nuôi chủ yếu**

- *Chăn nuôi bò thịt:* Giữ ổn định đàn bò thịt 120 nghìn con, tăng tỷ lệ đàn bò Zebu hóa 100%; trong đó 50% là bò hướng thịt cao sản chất lượng cao; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 13.000 tấn. Tỷ lệ thụ tinh nhân tạo đàn bò thịt đạt trên 85% vào năm 2020 và đạt trên 95% vào năm 2030. 100% đàn bò cái lai Zebu tại các xã trọng điểm và các hộ chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư được bấm số tai và quản lý giống.

- *Chăn nuôi bò sữa:* Ổn định đàn bò sữa đến năm 2020 khoảng 15 - 16 nghìn con, trọng lượng trung bình đạt 5.500 - 6.000 kg/con/chu kỳ, đối các trang trại ứng dụng công nghệ cao, đạt từ 6.000 - 7.000 kg/con/chu kỳ. Tỷ lệ thụ tinh nhân tạo đàn bò sữa đạt 100% vào năm 2020; 100% đàn bò sữa, đàn bò cái lai Zebu tại các xã trọng điểm và các hộ chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư được bấm số tai và quản lý giống;

Phát triển chăn nuôi bò sữa tại huyện Ba Vì, Gia Lâm; Quy mô chăn nuôi bình quân 10 con/hộ; chăn nuôi theo hướng VIETGAP, hữu cơ; nhân rộng các trại, trang trại quy mô lớn ngoài khu dân cư tại các vùng có điều kiện thuận lợi bãi ven sông.

- *Chăn nuôi lợn:* Tổng đàn lợn đến năm 2020 ổn định 1,6 - 1,8 triệu con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 370 nghìn tấn (tăng bình quân 4%/năm). Sử dụng các giống lợn năng suất, chất lượng cao, tỷ lệ nạc đạt từ 55 - 59%.

Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất con giống, giảm chăn nuôi lợn thương phẩm, chú trọng phát triển đàn nái ngoại và nái thuần chiếm trên 90% vào năm 2020. Phát triển 5% đàn lợn nái các giống lợn bản địa.

Định hướng phát triển theo vùng, xã trọng điểm, khu chăn nuôi và trại, trang trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư tại các huyện, thị xã: Sơn Tây, Ba Vì, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Thanh Oai, Chương Mỹ, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Thạch Thất, Đông Anh, Mê Linh. Tổng đàn tại các khu vực này chiếm từ 35-40% tổng đàn toàn Thành phố vào năm 2020. Với đàn lợn bản địa tại một số vùng đồi gò tại Ba Vì, Sơn Tây, Quốc Oai, Mỹ Đức, Sóc Sơn ...Chăn nuôi theo hướng VIETGAP, hữu cơ, sinh học.

- *Chăn nuôi gia cầm:* Tổng đàn gia cầm giữ ổn định 30 triệu con/ năm, tăng cường áp dụng các biện pháp nuôi thâm canh tập trung, tăng số lứa gia cầm xuất chuồng. Đưa sản lượng thịt xuất chuồng đạt 95 nghìn tấn vào năm 2020.

Định hướng phát triển ngành chăn nuôi Thành phố: Tập trung phát triển sản xuất con giống là chính, gà đẻ trứng, gà thương phẩm thả đồi, thả vườn; phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm, khu chăn nuôi quy mô lớn và trại, trang trại ngoài khu dân cư tại các huyện: Chương Mỹ, Đông Anh, Ba Vì, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thạch Thất, Mê Linh... quy mô chiếm từ 25-30% tổng đàn toàn Thành phố vào năm 2020, chăn nuôi theo hướng VIETGAP, hữu cơ, sinh học.

## **2.2. Tổ chức lại hệ thống các cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp tập trung, có kiểm soát, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và môi trường**

- 100% cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp đều ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- 100% các cơ sở sơ chế, chế biến, chế biến sâu các sản phẩm giò, chả, xúc xích, Lạp sườn, pate, dăm bông, thịt hộp, hút chân không và chế phẩm sinh học trong bảo quản sản phẩm thịt, trứng, sữa được ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

Phấn đấu đến 2020 giảm khoảng 50% số cơ sở, điểm giết mổ nhỏ lẻ trong khu dân cư, dần tiến tới chấm dứt hoạt động giết mổ nhỏ lẻ, phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã; số sản phẩm gia súc, gia cầm sau giết mổ của các cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp, thủ công đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường được kiểm soát đạt trên 70%.

## **3. Thủy sản**

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản tự nhiên, gắn tôn tạo cảnh quan phục vụ các hoạt động dịch vụ du lịch. Khai thác hợp lý, hiệu quả mặt nước trên địa bàn Thành phố để phát triển sản theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm. Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp vùng thấp trũng sang nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi tập trung xa khu dân cư. Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, đầu tư nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân khoảng 7 - 8%/năm; sản lượng thủy sản nuôi đạt 105.000 tấn vào năm 2020.

## **4. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, từng bước khai thác các tiềm năng của rừng. Đầu tư bảo vệ, phát triển, cải tạo rừng, làm giàu rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế-xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phấn đấu đến năm 2020 nâng mức thu nhập 1 ha đất lâm nghiệp lên 40 triệu đồng, tỷ lệ che phủ rừng 6,2%:

- Đối với rừng phòng hộ: Cải tạo, nâng cấp một số rừng đã trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng phòng hộ. Tăng tỷ lệ có rừng trong rừng phòng hộ đạt trên 95%.

- Đối với rừng đặc dụng: Bảo tồn các hệ sinh thái rừng đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, đảm bảo đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan rừng để rừng vừa phục vụ nghiên cứu khoa học vừa phục vụ tham quan du lịch. Chỉ trồng các loài cây đặc hữu, quý hiếm phục vụ bảo tồn và nghiên cứu khoa học

- Đối với rừng sản xuất: Cần áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là giống, đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng rừng phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng sinh thái, nhằm phục vụ nguyên liệu chế biến. Tạo ra các sản phẩm từ rừng có giá trị cao, vừa làm đẹp cảnh quan phục vụ du lịch, vừa có tác dụng phòng hộ bảo vệ môi trường.

## **5. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại**

### **5.1. Phát triển kinh tế tập thể**

Định hướng phát triển HTX nông nghiệp theo hướng dịch vụ tổng hợp, từ dịch vụ đầu vào, đầu ra cho xã viên, đến các dịch vụ thương mại, dịch vụ môi trường, kinh doanh; xem xét giải thể hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, quản lý đối các hợp tác xã kinh doanh dịch vụ kém hiệu quả. Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực cho HTX, nhất là cán bộ quản lý, kế toán HTX; tăng cường khả năng tiếp cận, hỗ trợ các nguồn lực về tài chính, tín dụng đối với HTX; thúc đẩy khả năng liên kết hợp tác nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và dịch vụ cho các HTX...

Phấn đấu đến năm 2020: Không còn HTX yếu kém, có từ 80% đến 90% HTX hoạt động từ khá trở lên; đào tạo 80% cán bộ chủ chốt HTX, trong đó 60% đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đẳng trở lên. Tốc độ tăng trưởng bình quân của HTX nông nghiệp tăng từ 2%-3%/năm.

Giai đoạn 2019-2020: Mỗi năm xây dựng 03 mô hình HTX liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm và 02 mô hình HTX liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp.

### **5.2. Phát triển kinh tế trang trại**

Phát triển các dạng hình kinh tế trang trại, gia trại theo chuỗi liên kết, kết hợp phát triển du lịch, giáo dục trải nghiệm gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất và đầu tư và đóng vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Thành phố. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào trang trại quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm an toàn.

## **6. Phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến và làng nghề**

### **6.1. Phát triển công nghiệp bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm**

Tập trung, khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, nhất là công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu và ứng dụng công nghệ cao nâng cao; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. 100% các sản phẩm chuỗi có mã vạch truy xuất nguồn gốc điện tử.



Khuyến khích phát triển các hình tổ chức sản xuất (Hợp tác xã, tổ đội sản xuất), các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm chủ lực trên địa bàn.

## **6.2. Phát triển làng nghề**

Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất ở các làng nghề, các HTX dịch vụ ngành nghề nông thôn, phát triển các sản phẩm thủ công thể mạnh của Thủ đô có giá trị kinh tế cao như: gốm sứ, đồ gỗ, mây tre đan, sơn mài, khảm trai... Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển làng nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngoại thành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiếp tục thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2019-2020 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng giá trị sản xuất nghề, làng nghề chiếm 8,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Thành phố.

## **7. Đào tạo nguồn nhân lực**

Tiếp tục thực hiện Đề án dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Đào tạo, nâng cao năng lực và nhận thức cho cán bộ quản lý và lao động nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nông nghiệp thời kỳ cách mạng 4.0, trong đó tập trung đào tạo dài hạn đội ngũ chuyên gia, kỹ thuật cao ở các lĩnh vực then chốt như: Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin và khoa học quản lý... Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở dạy nghề, thực hiện chương trình hợp tác đào tạo tại khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đào tạo, huấn luyện công nhân, kỹ thuật viên, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt 70-75%.

## **8. Xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy, Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân”. Phấn đấu đến năm 2020 số xã đạt chuẩn nông thôn mới 347 xã trở lên, có 10 huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân dân cư nông thôn đạt 49 triệu/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn dưới 1,5%.

## **9. Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

### **9.1. Về Thủy lợi**

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối các công trình thủy lợi hiện có; phát huy hiệu quả cơ chế đặt hàng dịch vụ thủy lợi, từng bước nghiên cứu và tổ chức thí điểm cơ chế đấu thầu quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn.

Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh, phát triển du lịch, dịch vụ và tạo cảnh quan, môi trường sinh thái.

Ưu tiên đầu tư các công trình đầu mối để tiêu thoát nước, chống úng ngập cho Thủ đô (Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, trạm bơm tiêu Yên Nghĩa, trục chính sông Nhuệ, trạm bơm Đông Mỹ, ...); cải tạo, nạo vét các sông trục: Sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cầu Bây, ... để phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ô nhiễm môi trường nước, rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

## 9.2. Về phòng chống thiên tai

Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020; củng cố, tu bổ, nâng cấp các tuyến đê có sông trên địa bàn Thành phố, đảm bảo an toàn về đê điều, công trình thủy lợi, chủ động phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư. Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai. Triển khai thực hiện quy hoạch phòng chống lũ chi tiết trên các tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều sau khi được phê duyệt, thực hiện cắm mốc chỉ giới thoát lũ, mốc giới hành lang bảo vệ đê điều.

## III. KINH PHÍ

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch 6.456.026 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Thành phố 1.729,538 tỷ đồng;
- Vốn đối ứng 4.726,488 tỷ đồng.

2. Kinh phí thực hiện các lĩnh vực

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp 5.480,135 tỷ đồng, trong đó:

- + Vốn ngân sách nhà nước 758,147 tỷ đồng;
- + Vốn đối ứng: 4.721,988 tỷ đồng.
- Hỗ trợ chương trình nông nghiệp công nghệ cao: 204,60 tỷ đồng
- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: 233 tỷ đồng
- Hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp 17,217 tỷ đồng, trong đó:
  - + Vốn ngân sách 12,717 tỷ đồng;
  - + Vốn đối ứng 4,5 tỷ đồng.
- Hỗ trợ chương trình khuyến nông: 108,565 tỷ đồng
- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng và phòng chống giảm nhẹ thiên tai: 406 tỷ đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

## III. Các giải pháp thực hiện chủ yếu

### 1. Công tác tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2019 - 2020 đến các cấp, ngành, địa phương và người dân bằng nhiều hình thức, phù hợp tình hình, điều kiện từng địa phương. Giới thiệu những



guang tốt, việc tốt, mô hình hay hiệu quả về cơ cấu lại ngành nông nghiệp, để các địa phương tham khảo, học tập nhân rộng.

## **2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề án, dự án**

Rà soát các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn được duyệt, đề xuất điều chỉnh, bổ sung phù hợp theo quy hoạch, gắn sản xuất an toàn dịch bệnh, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp phát triển du lịch và giáo dục trải nghiệm.

## **3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ**

- Tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, các thành tựu cách mạng 4.0 vào sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, giết mổ gia súc, gia cầm. Tập trung cải tạo nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất của Thành phố và các tỉnh trong cả nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác cơ quan nghiên cứu khoa học, HTX trong nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ vào sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao.

## **4. Đẩy mạnh tổ chức sản xuất sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, tăng cường xúc tiến thương mại**

Xây dựng, phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi, nông dân gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

## **5. Đổi mới, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh các thành phần kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác trong hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đến năm 2020” được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 8450/QĐ-UBND ngày 5/12/2017. Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý cho các đối tượng chủ trương trại, khuyến khích các trang trại đầu tư sản xuất kinh doanh đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi giá trị, trong đó, thực hiện chính sách ưu đãi thuế, miễn giảm tiền thuê đất, đào tạo nghề cho lao động, quảng bá sản phẩm ...

## **6. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách**

Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn của Trung ương và Thành phố đã ban hành, tham mưu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu sản xuất trong tình hình mới.

## **7. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành đúng quy định. Nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án được duyệt; quản lý vật tư, chất lượng sản phẩm nông nghiệp; xử lý nghiêm minh các trường vi phạm theo quy định pháp luật.

#### **IV. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đúng quy định. Xây dựng kế hoạch chi tiết và hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch đề ra; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện theo quy định.

- Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, phục vụ công tác tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2019-2020.

- Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch của các đơn vị liên quan, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, tổng hợp nhu cầu nguồn vốn của các đơn vị để thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, công khai trình tự, thủ tục lập, trình duyệt, thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn theo quy định.

##### **3. Sở Tài chính**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đúng quy định hiện hành.

##### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì và phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan kiểm tra, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách có liên quan tới năng lực nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện kế hoạch này.

##### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng đất nông nghiệp. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan đề xuất cơ chế, chính sách tích tụ đất nông nghiệp, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn.

##### **6. Các sở, ngành, đơn vị liên quan**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ đơn vị, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố.

**7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của địa phương về nông nghiệp, nông thôn; tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất và đầu tư, phát triển các sản phẩm có thế mạnh của từng địa phương.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo định kỳ UBND Thành phố theo quy định./. *o*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *cm*

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu



**BIỂU 1:**

**CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI, GIAI ĐOẠN 2019 – 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 437 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đẩy mạnh tăng trưởng</b>			
1	Đánh giá kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp thời gian qua và xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2019 – 2020 phù hợp với thực tiễn và kế hoạch toàn ngành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2018-2019
2	Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành tốt gắn với tiêu thụ sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 – 2020
3	Tiếp tục tham mưu, sửa đổi hoàn thiện các chính sách hỗ trợ và tạo động lực phát triển sản xuất nông nghiệp; đề xuất xây dựng các chính sách, cơ chế và định hướng phát triển nông nghiệp bền vững, chất lượng và hiệu quả.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
4	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2019 – 2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
5	Điều tra, đánh giá các sản phẩm nông sản chủ lực làm cơ sở xây dựng Atlas nông nghiệp điện tử (WebGIS) phục vụ quản lý và định hướng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020

	vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh gắn với xây dựng nông thôn mới cho các huyện, thị ven đô thành phố Hà Nội đến năm 2030		huyện, thị xã	
6	Khảo nghiệm, thử nghiệm, chọn lọc các giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất nhằm tăng cường năng lực cho sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
7	Phát triển các chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm nông sản ATTP trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
8	Tiếp tục thực hiện phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm khu chăn nuôi và trại, trang trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
9	Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo Quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
10	Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; điều chỉnh chính sách hỗ trợ để nhân rộng đối với mô hình hiệu quả	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
11	Tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
12	Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2019 – 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm
<b>II</b>	<b>Thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (Theo</b>			

	<b>Quyết định số 923/QĐ – TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</b>			
1.	Hỗ trợ phát triển sản xuất giống cây trồng vật nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
2.	Hỗ trợ hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung áp dụng kỹ thuật tiên tiến, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
3.	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
4.	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại, không làm gia tăng rủi ro thiên tai để chủ động ứng phó trong mọi tình huống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hiệu quả thiệt hại do thiên tai, sớm khôi phục hoạt động bình thường cho nhân dân, các tổ chức và doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020
5.	Hỗ trợ các doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2019 - 2020



**BIỂU 2:****KINH PHÍ HỖ TRỢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2019 - 2020***(Kèm theo Quyết định số: 137/QĐ - UBND Thành phố ngày 24.11.2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố)**Đvt: Triệu đồng*

TT	Tên dự án	Tổng cộng		Năm 2019		Năm 2020	
		Ngân sách	Vốn đối ứng	Ngân sách	Vốn đối ứng	Ngân sách	Vốn đối ứng
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI+VII)		1.729.538	4.726.488	1.154.601	4.321.781	568.428	404.707
I	Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp	758.147	4.721.988	459.393	4.319.531	298.754	402.457
1	Dự án nâng cao chất lượng giống vật nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020	19.174,9		10.724,7		8.450,2	
2	Dự án chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020	5.461,6		2.718,9		2.742,7	
3	Dự án đầu tư xây dựng trạm thụ tinh nhân tạo sản xuất tinh bò chất lượng cao, tinh bò phân ly giới tính và tinh dịch lợn cao sản.	19.000,0		9.500,0		9.500,0	
4	Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tại một số huyện	160.000		105.000		55.000	
5	Chương trình liên kết sản xuất rau, hoa giá trị cao	180.000		110.000		70.000	
6	Chương trình hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch để thực hiện tái cơ cấu trồng trọt	60.000		40.000		20.000	
7	Dự án: Xây dựng và phát triển chuỗi liên kết sản xuất-tiêu thụ theo hướng bền vững	70.830		39.540		31.290	
8	Dự án Tăng cường độ tin cậy trong lĩnh vực sản xuất cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc	50.000		30.000		20.000	
9	Thực hiện đề án rau an toàn	71.000		41.000		30.000	
10	Kế hoạch chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ	5.900	15.340	2.942	7.662	2.958	7.678



	phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020						
11	Kế hoạch phát triển nuôi tôm càng xanh trên địa bàn Thành phố đến năm 2025	7.218	5.609	4.688	3.109	2.530	2.500
12	Kế hoạch phát triển lợn bản địa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2019 - 2020	25.066	771.800	12.166	385.000	12.900	386.800
13	Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao giai đoạn 2019 - 2020	24.721	345	11.926	172	12.795	173
14	Ứng dụng kết quả nghiên cứu, lai tạo giống bò BBB trên nền bò Laisind thành bò F1 hướng thịt	59.775	3.928.894	39.187	3.923.588	20.588	5.306
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ chương trình nông nghiệp CNC</b>	<b>204.600</b>	<b>0</b>	<b>147.200</b>	<b>0</b>	<b>57.400</b>	<b>0</b>
1	Phát triển sản xuất rau	19.300		12.100		7.200	
2	Phát triển sản xuất hoa	34.100		21.500		12.600	
3	Phát triển sản xuất cây ăn quả	26.700		23.300		3.400	
4	Phát triển sản xuất chè	10.300		8.000		2.300	
5	Phát triển chăn nuôi	83.700		59.900		23.800	
6	Phát triển thủy sản	30.500		22.400		8.100	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>	<b>233.000</b>	<b>0</b>	<b>111.500</b>	<b>0</b>	<b>121.500</b>	<b>0</b>
1	Hỗ trợ cho cơ sở giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp	210.000		100.000		110.000	
2	Hỗ trợ chi phí giết mổ	20.000		10.000		10.000	
3	Chi phí tuyên truyền	3.000		1.500		1.500	
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp (Thực hiện theo QĐ số 8450/QĐ - UBND ngày</b>	<b>12.717</b>	<b>4.500</b>	<b>6.508</b>	<b>2.250</b>	<b>6.209</b>	<b>2.250</b>

	05/12/2017 của UBND Thành phố)					
V	Hỗ trợ chương trình khuyến nông giai đoạn 2019 - 2020	108.565		58.000		58.565
VI	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, phòng chống giảm nhẹ thiên tai	406.000		380.000		26.000